

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MD01068** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Đo lường điện**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0264	Nguyễn Phúc An	24/06/2006				7	7				6.0		6.4
2	21BTĐC0265	Lê Hoàng Anh	11/04/2006				7	7				6.5		6.7
3	21BTĐC0266	Huỳnh Văn Thái	22/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				8	7				5.0		5.9
5	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				6	7				7.0		6.9
6	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				6	8				5.0		5.9
7	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường	12/01/2006				8	8				9.0		8.6
8	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				8	7				7.0		7.1
9	21BTĐC0272	Đỗ Văn Hậu	29/04/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0273	Ngô Nguyễn Hoàng Hiếu	10/11/2005				6	7				6.5		6.6
11	21BTĐC0274	Ông Xuân Hòa	12/11/2004				0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTĐC0275	Phan Tấn Hoàng	06/12/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTĐC0276	Nguyễn Huỳnh Bảo Hôn	22/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTĐC0277	Dương Lý Khang	09/01/2006				7	7				0.0	0.0	2.8
15	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				7	7				7.0		7.0
16	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006				6	6				0.0	5.0	5.4
17	21BTĐC0280	Trần Minh Khánh	07/07/2006				7	6				6.5		6.4
18	21BTĐC0281	Đỗ Anh Kiệt	27/03/2006				8	8				9.0		8.6
19	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7	6				6.5		6.4
20	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006				6	7				6.0		6.3
21	21BTĐC0284	Trần Chí Linh	28/02/2006				6	6				6.5		6.3
22	21BTĐC0285	Trần Thiên Quốc Lộc	04/12/2004				0	0				0.0	0.0	0.0
23	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				8	8				9.0		8.6
24	21BTĐC0287	Giang Tấn Mạnh	10/12/2005				7	7				7.0		7.0
25	21BTĐC0288	Võ Hoàng Nam	11/03/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
26	21BTĐC0289	Nguyễn Huỳnh Ngân	31/10/2006				7	6				6.0		6.1
27	21BTĐC0290	Lương Thế Phong	01/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
28	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				7	7				6.0		6.4
29	21BTĐC0292	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2006				6	7				6.0		6.3
30	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				7	6				6.0		6.1
31	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				8	8				9.0		8.6
32	21BTĐC0295	Nguyễn Trung Tín	02/02/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
33	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				6	6				0.0	5.0	5.4
34	21BTĐC0297	Giang Quốc Toàn	22/09/2006				6	7				5.0		5.7
35	21BTĐC0298	Nguyễn Hữu Toàn	25/06/2006				7	7				0.0	0.0	2.8

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ	
36	21BTĐC0299	Lương Khiết Tường	23/08/2006				7	7				7.5		7.3
37	21BTĐC0300	Mã Vĩnh Tường	14/10/2006				0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 17 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Bảo Quốc